

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 6 – 2021  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Huỳnh Hữu C, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*, Tổ \*\*, Khóm \*\*, Phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*\*, khóm TĐA, thị trấn TB, huyện ThB, tỉnh ĐT.

Anh Huỳnh Hữu C, chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Nguyên đơn anh Huỳnh Hữu C trình bày:***

*Về hôn nhân:* Anh Huỳnh Hữu C và chị Nguyễn Thị D kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT vào ngày 25/01/2010. Hôn nhân giữa Anh C và chị D được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó, tự tìm hiểu và kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm, sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống, không đồng thuận trong sinh hoạt. Vợ chồng sống ly thân nhiều lần và cũng hàn gắn tình cảm với nhau nhiều lần. Từ tháng 6/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Anh Huỳnh Hữu C yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

*Về con chung:* Anh C và chị D có con chung tên Huỳnh Trúc N, sinh ngày 17/5/2016. Hiện nay, cháu N sống chung với anh C một thời gian thì chuyển sang sống chung với chị D một thời gian. Anh C yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị D thông nhất, chị D và Anh C kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT vào ngày 25/01/2010. Hôn nhân giữa Anh C và chị D được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó, tự tìm hiểu và kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm, sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống, không đồng thuận trong sinh hoạt. Vợ chồng sống ly thân nhiều lần và cũng hàn gắn tình cảm với nhau nhiều lần. Từ tháng 6/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Nguyễn Thị D đồng ý ly hôn với anh Huỳnh Hữu C.

*Về con chung:* Chị D thông nhất, anh C và chị D con chung tên Huỳnh Trúc N, sinh ngày 17/5/2016. Hiện nay, cháu N sống chung với anh C một thời gian thì chuyển sang sống chung với chị D một thời gian. Chị D yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Hợp đồng lao động, số: 320/2020/HĐLĐ-HC6, ngày 02/01/2020 (Bản chính).

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).

- Trích lục khai sinh của Huỳnh Trúc N (Bản sao).

- Văn bản có tiêu đề “Chứng cứ” (Bản chính, viết tay đề ngày 03/6/2021, do anh Huỳnh Hữu C ký tên, UBND phường \*\*, thành phố CL, xác nhận ngày 03/6/2021).

- Xác nhận (Bản chính, đánh máy và viết tay, UBND phường \*\*, thành phố CL xác nhận ngày 07/6/2021).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hữu C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị D cư trú tại số \*\*\*, khóm TĐA, thị trấn TB, huyện ThB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu C và chị Nguyễn Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, anh C và chị D kết hôn năm năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT vào ngày 25/01/2010, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống, không đồng thuận trong sinh hoạt. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hơn nữa, anh C và chị D đều xác định không còn tình cảm với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh C và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị D không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Anh C và chị D có một con chung tên Huỳnh Trúc N, sinh ngày 17/5/2016.

Xét thấy, anh C và chị D đều xác định, cháu N sống chung với anh C một thời gian thì chuyển sang sống chung với chị D một thời gian. Anh C và chị D đều chứng minh được mình có việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Tuy nhiên, cháu N là nữ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhằm đảm bảo cho cháu N phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý.

Vì vậy, để đảm bảo cho môi trường sống ổn định, để đảm bảo cho cháu N phát triển toàn diện cả vật chất, tinh thần và tâm sinh lý cần giao cháu N cho chị

D nuôi dưỡng. Cho nên, chị D yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Trúc N, sinh ngày 17/5/2016 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh C và chị D đều xác định là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Huỳnh Hữu C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hữu C.

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Hữu C và chị Nguyễn Thị D.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Huỳnh Trúc N, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Anh C và chị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Anh Huỳnh Hữu C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2019/0016607 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh C đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường \*\*, TP.CL, tỉnh DT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**